TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:894/2022/KDTM-ST
Ngày: 28/3/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Ông Nguyễn Tiến Pháp

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** bà Nguyễn Bá Thu Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 934/2022/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thu N
Trụ sở: Số 270, Tổ 0, ấp KĐ, xã An Điền, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: bà Giang Triều Thu Ng, sinh năm 1968; Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên; Địa chỉ: Số 0 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đậu Văn C, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp HM, xã LN, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (Giấy uỷ quyền ngày 19 tháng 10 năm 2020).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Cao Đ
Trụ sở: Số 467B Quốc Lộ 1A, khu phố 0, phường LX, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Tuấn A, sinh năm 1977; Chức

danh: Giám đốc; Địa chỉ: Số 0 Tâm Tâm Xã, khu phố 4, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tân Dinh, xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Giấy uỷ quyền ngày 30 tháng 11 năm 2020).

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2020 và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thu N có người đại diện hợp pháp Ông Đậu Văn C trình bày:

[1] Khoảng tháng 9/2019 Công ty TNHH Thu N (gọi tắt là Công ty Thu N) và Công ty TNHH Cao Đ (gọi tắt là Công ty Cao Đ) thỏa thuận mua bán hàng hóa với nhau (đặt hàng qua điện thoại), mặt hàng là băng keo, địa điểm giao hàng tại địa chỉ: Số 467B đường Quốc lộ 1K, Khu phố 2, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (khi giao hàng 2 bên có lập phiếu giao hàng thể hiện rõ tên hàng hóa, đơn giá và ký xác nhận giao hàng đầy đủ). Sau khi Công ty Thu N thực hiện việc giao hàng xong cho công ty Cao Đ, sau mỗi đợt giao hàng, cuối tháng thanh toán xong thì nguyên đơn đã xuất hóa đơn đầy đủ cho bị đơn.

Trong các ngày 23/9/2019, ngày 01/10/2019 và ngày 02/10/2019 Công ty Thu N đã giao choCông ty Cao Đ tổng cộng 3 đợt hàng là băng keo, tổng cộng là 287.535.755 đồng. Sau khi thực hiện giao hàng xong choCông ty Cao Đ thìCông ty Cao Đ không thanh toán tiền cho Công ty Thu N. Sau nhiều lần Công ty Thu N yêu cầuCông ty Cao Đ thanh toán số tiền nợ còn thiếu là 287.535.755 đồng, nhưngCông ty Cao Đ vẫn không hợp tác.

Nay Công ty Thu N yêu cầu Công ty Cao Đ thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ giao hàng là 287.535.755 (Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi lăm) đồng và tiền lãi suất từ ngày 15/6/2020 (tạm tính đến ngày 15/3/2022 là 20 tháng với mức lãi suất là 9.78%/năm là 46.868.328 đồng. Tổng cộng là 334.404.083 đồng, thanh toán làm 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực.

[2] *Bị đơn Công ty TNHH Cao Đ trình bày*: Xác nhận có thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty Thu N đúng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, số tiền nợ Công ty Thu N yêu cầu là 287.535.755 (Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi lăm) đồng Công ty Cao Đ không đồng ý. Vì Công ty Cao Đ đã trả cho Công ty Thu N số tiền 30.000.0000 vào ngày 04/02/2020 và 10.000.000 đồng vào ngày 31/12/2021 nhưng chưa được Công ty Thu N cấn trừ vào số tiền 287.535.755 đồng theo Bảng đối chiếu Công nợ (tháng 9+10) lập ngày 04/02/2020. Nay Công ty Cao Đ chỉ đồng ý trả cho Công ty Thu N số tiền băng keo còn nợ là 247.535.755 (Hai trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi lăm) đồng, ngoài ra Công ty Cao Đ không còn nợ Công ty Thu N khoản nợ nào khác. Công ty Cao Đ không có yêu cầu gì khác.

[3] *Tại phiên tòa hôm nay,*

[3.1] Nguyên đơn Công ty Thu N trình bày:

- Công ty Thu N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

- Về số tiền 10.000.000 đồng bị đơn cung cấp bị đơn trả cho nguyên đơn vào ngày 31/12/2012 nguyên đơn xác nhận bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn và sẽ trừ vào tiền trả lãi suất mà bị đơn đã thỏa thuận với nguyên đơn trên "Kế hoạch thanh toán công nợ Công ty TNHH Thu N" cụ thể là: Yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 287.535.755 (Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi lăm) đồng và tiền lãi suất từ ngày 15/6/2020 (tạm tính đến ngày 15/3/2022 là 20 tháng với mức lãi suất là 9.78%/năm là: 46.868.328 đồng – 10.000.000 (Mười triệu) đồng = 36.868.328 đồng. Tổng cộng là 324.404.083 (Ba trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn không trăm tám ba) đồng, thanh toán làm 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực.

[3.2] Bị đơn Công ty Cao Đ trình bày:

- Công ty Cao Đ: Không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra không có ý kiến, không có yêu cầu phản tố gì.

- Công ty Cao Đ đề nghị không ủy quyền đối với người đại diện hợp pháp ông Trần Văn Thắng và ông Dương Tuấn Anh là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cao Đ yêu cầu được tự trình bày yêu cầu khởi kiện của mình tại phiên tòa.

- Về số tiền 10.000.000 đồng bị đơn cung cấp chứng cứ bị đơn trả cho nguyên đơn vào ngày 31/12/2021.

- Về số tiền 30.000.000 đồng bị đơn cung cấp Bảng kê giao dịch Tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Phòng giao dịch Linh Xuân, địa chỉ: 1274A-1274B Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01/02/2020 đến ngày 29/02/2020 bị đơn trả cho nguyên đơn vào ngày 04/02/2020 là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, nội dung: " Công ty TNHH Cao Đ TT tiền hàng Thu Nguyệt HD 828 lần 2".

[5] *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử (HĐXX), ngoài vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa và bảo lưu quan điểm của mình.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán là 277.535.755 đồng; Về tiền lãi: Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 9.78%/năm với số tiền 287.535.755 đồng từ ngày 16/6/2020 đến ngày 31/12/2021 và số tiền 277.535.755 đồng từ ngày 01/1/2021 đến ngày 28/3/2022 (ngày xét xử sơ thẩm).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tụng tố tụng:

Tranh chấp giữa Công ty TNHH Thu N với Công ty TNHH Cao Đ phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về mua bán hàng hóa thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị Công ty TNHH Cao Đ có địa chỉ trụ sở trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Thu N:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ đơn kiện do nguyên đơn cung cấp thể hiện vào khoảng tháng 9/2019 nguyên đơn Công ty Thu N và bị đơn Công ty Cao Cao Đạt có thỏa thuận mua bán hàng hóa với nhau (đặt hàng qua điện thoại), mặt hàng là băng keo, địa điểm giao hàng tại địa chỉ: Số 467B đường Quốc lộ 1K, Khu phố 2, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã tiến hành giao hàng cho bị đơn mặt hàng băng keo vào các ngày 23/9/2019, 01/10/2019, 02/10/2019 và Công ty Thu N đã tiến hành xuất hóa đơn (số 1128 ngày 02/10/2019; số 828 ngày 23/9/2019 và số 1063 ngày 01/10/2019), tổng giá trị của 03 hóa đơn là 352.962.210 đồng. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã thanh toán 62.054.455 đồng (trong đó có cả khoản tiền 30.000.000 đồng bị đơn thanh toán vào ngày 04/02/2020) và khoản tiền chênh lệch hợp đồng của hóa đơn số 1128 là 3.372.000 đồng, còn lại số nợ là 287.535.755 đồng (352.962.210 đồng - 62.054.455 đồng - 3.372.000 đồng). Còn bị đơn cho rằng số tiền 30.000.0000 đồng thanh toán vào ngày 04/02/2020 chưa được cấn trừ vào số tiền 287.535.755 đồng theo Bảng đối chiếu Công nợ (tháng 9+10) lập ngày 04/02/2020. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của bị đơn ra, không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không chứng minh được thời điểm chuyển khoản số tiền 30.000.0000 đồng sau thời điểm các bên chốt công nợ ngày 04/02/2020. Về số tiền 10.000.000 đồng bị đơn trả

cho nguyên đơn vào ngày 31/12/2021, số tiền này nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn. Nên có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 287.535.755 đồng – 10.000.000 đồng = 277.535.755 (Hai trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi lăm) đồng. Xét, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về tiền lãi: Giữa nguyên đơn yêu cầu bị đơn có lập bảng kế hoạch thanh toán công nợ. Ngày bắt đầu thanh toán từ ngày 15/6/2020. Theo xác nhận của phía nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa thì bị đơn đã đồng ý với kế hoạch thanh toán nợ này của nguyên đơn. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn, nên xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 16/6/2020. Ngày 31/12/2021 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng, đồng thời nguyên đơn cũng xác nhận bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng và nguyên đơn yêu cầu cấn trừ vào tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền mà bị đơn chưa thanh toán là không có căn cứ để cấn trừ số tiền 10.000.000 đồng này vào khoản tiền nợ lãi chậm thực hiện nghĩa vụ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi suất là 9.78%/năm và yêu cầu này là phù hợp với quy định về tiền lãi suất, vì giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận nên cần áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 Ngân hàng thương mại có trụ sở tại nơi Tòa án giải quyết tại thời điểm xét xử. Xét, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả mức lãi suất là 9.78%/năm (0.815%/tháng) là phù hợp theo quy định, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 16/6/2020 đến ngày 31/12/2021 trên số tiền hàng chưa thanh toán 287.535.755 đồng theo mức lãi suất 9.78%/năm x 18 tháng 15 ngày = 43.346.014 đồng; Số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 28/3/2022 trên số tiền hàng chưa thanh toán là 287.535.755 đồng – 10.000.000 đồng = 277.535.755 đồng theo mức lãi suất 9.78%/năm x 2 tháng 27 ngày = 6.547.068 đồng. Tổng tiền lãi là 49.893.082 đồng.

- Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán là 277.535.755 đồng + tiền lãi 49.893.082 đồng, tổng cộng là 327.428.837 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn tám trăm ba mươi bảy) đồng.

[3] *Ý kiến của bị đơn đối với yêu khởi kiện của nguyên đơn*: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và không có yêu cầu gì khác, nên HĐXX không xem xét gì thêm.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên là có cơ sở chấp nhận nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 186, dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thu N:

Buộc Công ty TNHH Cao Đ trả cho Công ty TNHH Thu N số tiền là 327.428.837 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn tám trăm ba mươi bảy) đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 16.371.442 (Mười sáu triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi hai) đồng buộc Công ty TNHH Cao Cao Đ phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Công ty TNHH Thu N toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 7.727.523 (Bảy triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi ba) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0058159 ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án ND TP.HCM;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Loan